

I. ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

BÀI 2: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VIỆT NAM

Câu 1: *Các nước xếp theo thứ tự giảm dần về độ dài đường biên giới trên đất liền với nước ta là*

- A. Trung Quốc, Lào, Campuchia. B. Trung Quốc, Campuchia, Lào
C. Lào, Trung Quốc, Campuchia. D. Lào, Campuchia, Trung Quốc.

Câu 2: *Đặc điểm nào sau đây không đúng về vùng nội thủy của nước ta?*

- A. Được tính từ mép nước thủy triều thấp nhất đến đường cơ sở.
B. Vùng nội thủy được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền.
C. Là vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.
D. Là đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải của nước ta.

Câu 3: *Lãnh thổ nước ta trải dài*

- A. gần 18⁰ vĩ. B. gần 15⁰ vĩ. C. trên 12⁰ vĩ. D. gần 17⁰ vĩ.

Câu 4: *Điểm cực Bắc, Nam, Tây, Đông của nước ta lần lượt thuộc các tỉnh*

- A. Hà Giang, Cà Mau, Điện Biên, Khánh Hòa. B. Hà Giang, Cà Mau, Lào Cai, Khánh Hòa.
C. Hà Giang, Cà Mau, Điện Biên, Bình Thuận. D. Hà Giang, Cà Mau, Lai Châu, Ninh Thuận.

Câu 5: *Điểm cực Bắc của nước ta là xã Lũng Cú thuộc tỉnh*

- A. Lào Cai. B. Hà Giang. C. Cao Bằng D. Lạng Sơn.

Câu 6: *Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi khác hẳn với các nước có cùng độ vĩ ở Tây Á, châu Phi là nhờ*

- A. giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển trên 3260 km.
B. nằm ở vị trí tiếp giáp của nhiều hệ thống tự nhiên.
C. nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến. D. nằm ở trung tâm vùng Đông Nam Á.

Câu 7: *Số lượng tỉnh (thành phố) giáp biển của nước ta là*

- A. 31. B. 28. C. 25. D. 29.

Câu 8: *Phạm vi lãnh thổ vùng đất của nước ta bao gồm toàn bộ*

- A. khu vực đồng bằng và thềm lục địa. B. phần đất liền và thềm lục địa.
C. khu vực đồng bằng và đồi núi. D. phần đất liền và các hải đảo.

Câu 9: *Ranh giới được gọi là đường biên giới trên biển của nước ta là ranh giới của*

- A. tiếp giáp lãnh hải. B. lãnh hải. C. nội thủy. D. vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 10: *Nước Việt Nam nằm ở*

- A. phía đông Thái Bình Dương, khu vực kinh tế sôi động của thế giới.
D. rìa phía đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á.

Câu 11: *Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương, trên vành đai sinh khoáng châu Á – Thái Bình Dương, nên Việt Nam có nhiều*

- A. bão và lũ lụt. B. tài nguyên khoáng sản.
C. tài nguyên sinh vật quý giá. D. vùng tự nhiên khác nhau trên lãnh thổ

Câu 12: *Điểm cực Tây của nước ta là xã Sín Thầu thuộc tỉnh*

- A. Sơn La. B. Lai Châu. C. Lào Cai. D. Điện Biên.

Câu 13: *Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta được xem như phần lãnh thổ trên đất liền?*

- A. Tiếp giáp lãnh hải. B. Nội thủy. C. Lãnh hải. D. Thềm lục địa.

Câu 14: *Điểm cực Nam của nước ta là xã Đất Mũi thuộc tỉnh*

- A. Sóc Trăng. B. Bạc Liêu. C. Kiên Giang. D. Cà Mau.

Câu 15: *Việt Nam có đường biên giới trên đất liền với những quốc gia nào?*

A. Thái Lan, Trung Quốc, Campuchia.

B. Trung Quốc, Lào, Campuchia.

C. Lào, Campuchia, Thái Lan.

D. Lào, Campuchia, Mianma.

Câu 16: Vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển là

A. tiếp giáp lãnh hải.

B. đặc quyền kinh tế.

C. thềm lục địa.

D. lãnh hải.

Câu 17: Vùng đất là

A. phần giới hạn bởi đường biên giới và đường bờ biển. B. phần đất liền tiếp giáp với vùng biển.

C. toàn bộ phần đất liền và các hải đảo. D. các hải đảo và vùng đồng bằng ven biển.

Câu 18: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, khu vực ảnh hưởng của gió Mậu Dịch và gió mùa, nên

A. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.

B. có nhiều tài nguyên khoáng sản

C. thảm thực vật bốn mùa xanh tốt.

D. khí hậu có hai mùa rõ rệt.

Câu 19: Lãnh thổ Việt Nam là khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm

A. vùng đất, vùng biển, vùng trời.

B. vùng đất liền, hải đảo, vùng trời.

C. vùng đất, hải đảo, thềm lục địa.

D. vùng đất, vùng biển, vùng núi.

Câu 20: Việt Nam gắn liền với lục địa và đại dương nào sau đây?

A. Á-Âu và TBD.

B. Á-Âu và Ấn Độ.

C. Á và TBD.

D. Á và Ấn Độ Dương.

Câu 21: Đường biên giới trên đất liền nước ta với nước nào dài nhất?

A. Lào.

B. Campuchia.

C. Thái Lan.

D. Trung Quốc.

Câu 22: Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú nhờ

A. nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều loại động, thực vật.

B. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới.

C. nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực châu Á gió mùa.

D. lãnh thổ kéo dài từ 8°34'B đến 23°23'B, thiên nhiên có sự phân hoá đa dạng.

Câu 23: Nước ta có nhiều tài nguyên khoáng sản là do vị trí địa lý nằm

A. ở khu vực gió mùa điển hình nhất thế giới.

B. trên đường di lưu và di cư của nhiều loại động, thực vật.

C. tiếp giáp với Biển Đông. D. trên vành đai sinh khoáng châu Á – Thái Bình Dương.

Câu 24: Điểm cực Đông của nước ta là xã Vạn Thạnh thuộc tỉnh (Thành phố)

A. Bình Thuận

B. Đà Nẵng.

C. Khánh Hoà.

D. Quảng Ninh.

Câu 25: Nội thủy là vùng

A. nước ở phía ngoài đường cơ sở với chiều rộng 12 hải lý.

B. tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành vùng biển rộng 200 hải lý.

C. nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.

D. có chiều rộng 12 hải lý tính từ đất liền trở ra.

Câu 26: Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta ở phía trong đường cơ sở?

A. Lãnh hải

B. Tiếp giáp lãnh hải

C. Vùng đặc quyền kinh tế

D. Nội thủy

BÀI 6

ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI

Câu 1: Các dãy núi nước ta chủ yếu chạy theo hướng

A. Đông – Tây.

B. Tây Bắc - Đông Nam.

C. Bắc- Nam.

D. Tây Nam– Đông Bắc.

Câu 2: Dãy núi có địa hình cao nhất nước ta là

A. Hoàng Liên Sơn.

B. Con voi.

C. Trường Sơn Bắc.

D. Trường Sơn Nam.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm chung của địa hình nước ta?

A. Chịu tác động mạnh mẽ của con người.

B. Hướng núi chính là đông bắc - tây nam.

C. Thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

D. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích.

Câu 4: *Vùng núi Trường Sơn Nam có vị trí*

A. nằm ở phía Nam dãy Bạch Mã.

B. từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã.

C. nằm ở phía đông của thung lũng sông Hồng.

D. nằm giữa sông Hồng và sông Cả.

Câu 5: *Các cánh cung: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều nằm trong vùng núi nào?*

A. Tây Bắc.

B. Trường Sơn Bắc.

C. Đông Bắc.

D. Trường Sơn Nam.

Câu 6: *Vùng Đông Bắc có các cánh cung núi lớn nào?*

A. Cánh cung Hoàng Liên Sơn – Ngân Sơn- Đông Triều.

B. Cánh cung Sông Gâm- Bắc Sơn- Ngân Sơn - Đông Triều.

C. Cánh cung Hoàng Liên Sơn – Sông Gâm- Ngân Sơn.

D. Cánh cung sông Mã - sông Cả - Đông Triều- Bắc Sơn.

Câu 7: *Đặc điểm nào sau đây không đúng với địa hình nước ta?*

A. Địa hình vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

B. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích.

C. Hầu hết là địa hình núi cao.

D. Có sự phân bậc rõ rệt theo độ cao.

Câu 8: *Dạng địa hình chiếm diện tích lớn nhất trên lãnh thổ nước ta là*

A. núi cao.

B. đồi núi thấp.

C. đồng bằng.

D. núi trung bình.

Câu 9: *Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm địa hình nước ta?*

A. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người

B. Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng.

C. Đồng bằng chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích cả nước

D. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa

Câu 10: *Cấu trúc địa hình nước ta gồm hai hướng chính là*

A. hướng ĐB- TN và hướng vòng cung.

B. hướng TB- ĐN và hướng vòng cung.

C. hướng bắc- nam và hướng vòng cung.

D. hướng đông - tây và hướng vòng cung.

Câu 11: *Địa hình núi cao trên 2000m ở nước ta chiếm bao nhiêu % diện tích cả nước?*

A. 4%.

B. 2%.

C. 1%.

D. 3%.

Câu 12: *Hướng vòng cung là hướng chính của*

A. dãy núi vùng Đông Bắc.

B. dãy Hoàng Liên Sơn.

C. vùng núi Trường Sơn Bắc.

D. các hệ thống sông lớn.

Câu 13: *Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm chung của địa hình nước ta?*

A. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.

B. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của sông ngòi.

C. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

D. Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng.

Câu 14: *Vùng núi Tây Bắc nước ta nằm ở*

A. giữa sông Hồng và sông Cả.

B. phía đông của thung lũng sông Hồng.

C. phía Nam dãy Bạch Mã về phía nam.

D. từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã.

Câu 15: *Dãy đồi trung du rộng nhất nước ta nằm ở rìa*

A. ĐB miền trung.

B. ĐBSH.

C. ĐBSCL.

D. ĐNB.

Câu 16: *Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp, điều này được thể hiện ở đặc điểm nào?*

A. Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích, đồng bằng và đồi núi thấp (dưới 1000m) chiếm 85% diện tích.

B. Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích, đồng bằng chỉ chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích cả nước.

C. Đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích và 85% là đồi núi thấp (dưới 1000m).

D. Đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$, núi cao trên 2000m chiếm 1% diện tích cả nước.

Câu 17: *Đồi núi nước ta có sự phân bậc là do*

A. phần lớn là núi có độ cao dưới 2000 m bị bào mòn.

B. địa hình chịu tác động của vận động Tân Kiến Tạo làm trẻ lại.

C. trải qua lịch sử phát triển lâu dài, chịu tác động nhiều của ngoại lực.

D. chịu tác động của nhiều đợt vận động tạo núi trong đại Cổ sinh.

Câu 18: Đặc điểm nào sau đây chứng tỏ Việt Nam là đất nước nhiều đồi núi?

A. Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ. B. Đồng bằng và đồi núi thấp chiếm 85% diện tích lãnh thổ.

C. Địa hình núi cao chiếm 1% diện tích lãnh thổ.

D. Đồng bằng chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ.

Câu 19: Hướng Tây Bắc- Đông Nam của địa hình nước ta thể hiện rõ rệt trong khu vực

A. từ tả ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.

B. từ hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.

C. Từ dãy Bạch Mã lên phía bắc.

D. Từ dãy Bạch Mã xuống phía nam.

Câu 20: Ý nào sau đây không đúng với vùng núi Trường Sơn Nam?

A. Có sự đối xứng rõ rệt giữa 2 sườn đông-tây của Trường Sơn Nam.

B. Có các cao nguyên bazan tương đối bằng phẳng.

C. Khối núi komatsum và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao, đồ sộ.

D. Gồm các khối núi và cao nguyên bằng phẳng.

Câu 21: Mặc dù nước ta có $\frac{1}{4}$ diện tích là đồi núi, nhưng tính chất nhiệt đới vẫn được bảo toàn, nguyên nhân là do

A. địa hình phân hóa đa dạng.

B. gió mùa Tây Nam.

C. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.

D. tác động tín phong Bắc bán cầu.

Câu 22: Địa hình nước ta thấp dần từ

A. tây bắc xuống đông nam.

B. tây bắc xuống tây nam.

C. đông bắc xuống tây nam.

D. bắc xuống nam.

Câu 23: Địa hình thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu là đặc điểm của vùng núi

A. Trường Sơn Nam.

B. Tây Bắc.

C. Trường Sơn Bắc.

D. Đông Bắc.

Câu 24: Địa hình nước ta được chia thành 4 vùng là

A. Đông Bắc, Tây Bắc, Trường sơn Bắc, Trường Sơn Nam.

B. Hoàng Liên Sơn, Tây Bắc, Trường Sơn, Cực Nam Trung Bộ.

C. Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam.

D. Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam, Tây Bắc.

Câu 25: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

A. gồm các dãy núi liên kết với các cao nguyên. B. có địa hình cao nhất nước ta.

C. có 4 cánh cung núi lớn.

D. có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc - Đông Nam.

Câu 26: Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm vùng núi Trường Sơn Nam?

A. Bề mặt cao nguyên tương đối bằng phẳng ở phía Tây. B. Gồm các khối núi và cao nguyên.

C. Có những đỉnh cao trên 2000m nghiêng dần về phía đông. D. Có địa hình cao nhất nước ta.

Câu 27: Cao hai bên, thấp ở giữa là đặc điểm của vùng núi

A. Trường Sơn Nam.

B. Đông Bắc.

C. Tây Bắc.

D. Trường Sơn Bắc.

Câu 28: Hướng Tây Bắc - Đông Nam ở nước ta thể hiện ở vùng núi

A. Đông Bắc và Trường Sơn Bắc.

B. Trường Sơn Nam và Tây Bắc.

C. Đông Bắc và Tây Bắc.

D. Tây Bắc và Trường Sơn Bắc.

Câu 29: Vùng núi có các bề mặt cao nguyên badan tương đối bằng phẳng, nằm ở các bậc độ cao khác nhau là

A. Trường Sơn Bắc.

B. Đông Bắc.

C. Tây Bắc.

D. Trường Sơn Nam.

Câu 30: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc là

A. địa hình thấp và hẹp ngang nhất nước. B. gồm các khối núi và cao nguyên hướng vòng cung.

C. có bốn cánh cung núi lớn mở ra về phía bắc và phía đông.

D. có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta.

Câu 31: Giới hạn của dãy núi Trường Sơn Bắc là

- A. phía Nam sông Cả tới dãy Hoành Sơn. B. phía Nam sông Đà tới dãy Bạch Mã.
C. phía Nam sông Cả tới dãy Bạch Mã. D. phía Nam sông Mã tới dãy Bạch Mã.

Câu 32: Ranh giới tự nhiên của Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam là dãy núi

- A. Hoành Sơn. B. Tam Đảo. C. Hoàng Liên Sơn. D. Bạch Mã.

Câu 33: Địa hình đb và đồi núi thấp (<1000m) chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích của nước ta?

- A. 65%. B. 75%. C. 95%. D. 85%.

Câu 34: Đặc điểm của vùng núi Trường Sơn Nam là

- A. núi thấp chiếm ưu thế và thấp dần từ tây bắc- đông nam.
B. Địa hình nâng cao ở hai đầu thấp ở giữa.
C. Gồm những dãy núi song song và so le nhau theo hướng TB-ĐN.
D. có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông- Tây.

Câu 35: So với diện tích đất đai nước ta, địa hình đồi núi chiếm

- A. 2/3. B. 3/5. C. 4/5. D. 3/4.

BÀI 7

ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI (TT)

Câu 1: Thế mạnh nào sau đây không phải là chủ yếu của khu vực đồng bằng?

- A. Phát triển nông nghiệp lúa nước. B. Phát triển cây công nghiệp dài ngày.
C. Phát triển giao thông vận tải. D. Nơi tập trung các khu công nghiệp, thành phố.

Câu 2: Các đồng bằng tương đối lớn nằm dọc ven biển miền trung, lần lượt từ Bắc vào Nam là

- A. Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Nam, Tuy Hòa. B. Thanh Hóa, Nghệ An, Tuy Hòa, Quảng Nam.
C. Nghệ An, Thanh Hóa, Tuy Hòa, Quảng Nam. D. Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Tuy Hòa.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây không đúng về đặc điểm Đồng Bằng Sông Cửu Long?

- A. Về mùa lũ nước ngập trên diện rộng. B. Có hệ thống đê bao bọc.
C. Gần 2/3 diện tích đồng bằng là đất phèn, đất mặn. D. Địa hình thấp và bằng phẳng.

Câu 4: Ý nào sau đây đúng với địa hình ĐBSH?

- A. Vùng trong đê hằng năm được bồi phù sa. B. Bề mặt bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
C. Có các vùng trũng rộng lớn chưa bồi lấp xong. D. Cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.

Câu 5: Thế mạnh nào sau đây không phải của khu vực đồng bằng?

- A. Là nơi có điều kiện tập trung các thành phố, các khu công nghiệp.
B. Các sông ở đồng bằng có tiềm năng thủy điện rất lớn.
C. Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên khác như thủy sản, khoáng sản, lâm sản.
D. Phát triển giao thông vận tải đường bộ, đường sông.

Câu 6: Ở ĐB ven biển miền Trung thường có sự phân chia thành 3 dải, lần lượt từ biển vào là

- A. vùng trũng thấp- cồn cát, đầm phá- đồng bằng. B. cồn cát, đầm phá- đồng bằng- vùng trũng thấp
C. đồng bằng- cồn cát, đầm phá- vùng trũng thấp. D. cồn cát, đầm phá- vùng trũng thấp- đồng bằng.

Câu 7: Thiên nhiên NĐAGM ở nước ta có ảnh hưởng trực tiếp và rõ rệt nhất tới hoạt động

- A. sản xuất công nghiệp. B. sản xuất nông nghiệp. C. thương mại. D. du lịch.

Câu 8: Hai đồng bằng châu thổ sông lớn ở nước ta gồm

- A. ĐBSH và đồng bằng sông Thái Bình. B. đồng bằng sông Tiền và đồng bằng sông Hậu.
C. đồng bằng sông Đồng Nai và ĐBSCL. D. đồng bằng sông Hồng và ĐBSCL..

Câu 9: Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Đất ngoài đê gồm các khu ruộng cao bạc màu và các vùng trũng lớn.
B. Cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.

C. Đồng bằng bồi tụ phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

D. Đã được con người khai thác từ lâu đời và biến đổi mạnh mẽ.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây không đúng về đồng bằng sông Cửu Long?

A. Diện tích rộng lớn hơn 40.000km².

B. Diện tích đất phèn, đất mặn còn lớn.

C. Hình thành do sông Tiền và Sông Hậu bồi tụ phù sa.

D. Địa hình bị chia cắt thành nhiều ô và có đê bao bọc.

Câu 11: Đồng bằng sông Hồng có đặc điểm là

A. địa hình cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.

B. địa hình tương đối cao và khá bằng phẳng.

C. về mùa lũ nước ngập trên diện rộng.

D. mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

Câu 12: Đặc điểm của đồng bằng ven biển miền Trung là

A. địa hình thấp và bằng phẳng, diện tích đất phù sa lớn.

B. đồng bằng có các vùng trũng lớn chưa được bồi lấp xong.

C. bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô.

D. đồng bằng hẹp ngang và bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

Câu 13: Điểm giống nhau ở 2 hai đồng bằng ĐBSH và ĐBSCL là

A. đều do phù sa sông lớn bồi đắp.

B. có hệ thống đê điều chạy dài.

C. bị nhiễm mặn nặng nề.

D. có mạng lưới kênh rạch chằng chịt.

Câu 14: Đất mặn, đất phèn chiếm tới 2/3 diện tích tự nhiên của

A. đồng bằng sông Cửu Long.

B. đồng bằng sông Hồng

C. đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ.

D. đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ.

Câu 15: Đồng Bằng Sông Cửu Long có hai vùng trũng lớn là

A. Tứ Giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười.

B. Cà Mau và Đồng Tháp Mười.

C. Tứ Giác Long Xuyên và Cà Mau.

D. Kiên Giang và Đồng Tháp Mười.

Câu 16: Thế mạnh về tự nhiên của khu vực đồi núi trong việc phát triển kinh tế- xã hội là

A. tiềm năng khoáng sản, du lịch, trồng rừng, thủy năng.

B. tiềm năng khoáng sản, giao thông, khai thác rừng, thủy năng.

C. tiềm năng khoáng sản, phát triển khu dân cư, khu công nghiệp.

D. giao thông đi lại thuận lợi, phát triển du lịch sinh thái, trồng rừng.

Câu 17: Vùng đồng bằng có diện tích đất phèn, mặn nhiều nhất nước ta là

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Đồng bằng Sông Hồng.

C. Đồng bằng Ven biển Nam Trung bộ

D. Đồng bằng Ven biển Bắc Trung bộ.

Câu 18: Đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm là

A. hẹp ngang, chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ. B. có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

C. có các khu ruộng bậc cao bậc màu.

D. bị chia cắt nhiều bởi các đê ven sông.

Câu 19: Ở Đồng bằng sông Hồng vùng đất ngoài đê là nơi

A. không được bồi phù sa hằng năm.

B. thường xuyên được bồi đắp phù sa.

C. có bậc ruộng cao, bậc màu.

D. có nhiều ô trũng ngập nước.

Câu 20: Đồng bằng sông Cửu Long thường xuyên bị nhiễm mặn vào mùa khô là do

A. biển bao quanh, có gió mạnh nên đưa nước biển vào.

B. có nhiều vùng trũng lớn dễ bị nhiễm phèn, nhiễm mặn.

C. địa hình thấp nên thủy triều lấn sâu vào mùa khô.

D. sông ngòi nhiều tạo điều kiện dẫn nước biển vào sâu trong đất liền.

Câu 21: Đồng bằng sông Hồng do hệ thống sông nào bồi đắp phù sa?

A. Sông Tiền và Sông Hậu.

B. Sông Cả và sông Mã.

C. Sông Hồng và sông Thái Bình.

D. Sông Hồng và Sông Mê Công.

Câu 22: Khó khăn thường xuyên đối với giao lưu kinh tế giữa các vùng miền núi là

A. lũ nguồn, trượt lở.

B. động đất, sạt lở.

C. địa hình bị chia cắt mạnh.

D. lũ quét, xói mòn.

Câu 23: Đất đai ở đồng bằng ven biển miền Trung có đặc tính nghèo, nhiều cát, ít phù sa là do

A. đồng bằng nằm ở chân núi nhận nhiều sỏi, cát trôi xuống.

B. bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều.

C. trong sự hình thành đồng bằng, biển đóng vai trò chủ yếu.

D. các sông miền Trung ngắn, hẹp và rất nghèo phù sa.

Câu 24: So với đồng bằng sông Cửu Long thì đồng bằng sông Hồng

A. thấp hơn và ít bằng phẳng hơn.

B. thấp hơn và bằng phẳng hơn.

C. cao hơn và ít bằng phẳng hơn.

D. cao hơn và bằng phẳng hơn.

Câu 25: ĐBSH ở nước ta đều được thành tạo và phát triển do phù sa sông bồi tụ dần trên cơ sở

A. vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng

B. vịnh biển nông, thềm lục địa hẹp

C. vịnh biển sâu, thềm lục địa mở rộng

D. vịnh biển sâu, thềm lục địa hẹp

BÀI 8

THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN

Câu 1: Hai bể dầu lớn nhất hiện đang được khai thác ở nước ta là

A. bể Thổ - Chu Mã Lai và bể sông Hồng.

B. bể Cửu Long và bể Sông Hồng.

C. bể Nam Côn Sơn và bể Cửu Long

D. bể Sông Hồng và bể Trung bộ.

Câu 2: Hệ sinh thái rừng ngập mặn của nước ta phân bố chủ yếu ở vùng

A. Bắc Bộ.

B. Nam Bộ.

C. Nam Trung Bộ.

D. Bắc Trung Bộ.

Câu 3: Nhận định nào sau đây không chính xác về đặc điểm của biển Đông?

A. Nhiệt độ nước biển thấp.

B. Có tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

C. Vùng biển rộng, tương đối kín.

D. Giàu khoáng sản và hải sản.

Câu 4: Vấn đề quan trọng trong chiến lược khai thác tổng hợp và phát triển kt biển của nước ta là

A. sử dụng phương tiện hiện đại trong khai thác thủy sản.

B. sử dụng hợp lý nguồn lợi biển, phòng chống ô nhiễm, phòng tránh thiên tai.

C. tăng cường việc nuôi trồng thủy sản, giảm việc đánh bắt hủy diệt.

D. có chiến lược khai thác thủy hải sản ngoài khơi, tăng cường đội tàu hiện đại.

Câu 5: Biển Đông là cầu nối giữa hai đại dương nào?

A. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

B. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

C. Đại Tây Dương với Ấn Độ Dương.

D. Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.

Câu 6: Loại thiên tai nào ở vùng biển Đông gây ra hậu quả nặng nề nhất cho vùng ĐB ven biển?

A. Triều cường.

B. Bão.

C. xâm thực bờ biển.

D. Cát bay.

Câu 7: Hệ sinh thái nào sau đây không phải là hệ sinh thái vùng ven biển nước ta?

A. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

B. Hệ sinh thái trên đất phèn.

C. Hệ sinh thái rừng trên các đảo.

D. Hệ sinh thái rừng ngập mặn.

Câu 8: Biển Đông có đặc điểm nào sau đây?

A. Nằm phía đông của Thái Bình Dương. B. Nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

C. Phía đông và đông nam mở ra đại dương. D. Là một biển nhỏ trong các biển của Thái Bình Dương.

Câu 9: Vùng biển Việt Nam giàu về loại tài nguyên nào?

A. Khoáng sản và hải sản.

B. Lâm sản và thủy sản.

C. Hải sản và lâm sản.

D. Thủy sản và khoáng sản.

- Câu 10: Biển có ảnh hưởng sâu sắc đến thiên nhiên phần đất liền nước ta chủ yếu do**
- hướng núi tạo điều kiện cho ảnh hưởng của biển vào sâu trong đất liền.
 - hình dạng lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang.
 - bờ biển có nhiều vũng, vịnh ăn sâu vào trong đất liền.
 - biển Đông là một biển rộng.
- Câu 11: Ý nào sau đây không đúng với ảnh hưởng của biển Đông đối với khí hậu nước ta?**
- Làm giảm tính nóng bức trong mùa hạ.
 - Làm khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương.
 - Làm tăng tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông.
 - Mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn.
- Câu 12: Loại khoáng sản có tiềm năng vô tận ở biển Đông nước ta là**
- cát trắng.
 - titan.
 - muối biển.
 - dầu khí.
- Câu 13: Nguồn tài nguyên khoáng sản có ý nghĩa quan trọng nhất biển Đông nước ta là**
- dầu mỏ.
 - titan.
 - muối.
 - sa khoáng.
- Câu 14: Vùng cực Nam Trung Bộ là nơi có nghề làm muối rất lý tưởng vì**
- có thềm lục địa thoải với các bãi triều thấp.
 - chịu ảnh hưởng mạnh của gió phơn Tây Nam nên rất nóng.
 - có nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có vài sông nhỏ đổ ra biển.
 - không có bão, lại ít chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.
- Câu 15: Ảnh hưởng của biển Đông làm cho khí hậu nước ta**
- tăng tính chất lạnh khô mùa đông.
 - tăng tính khắc nghiệt thời tiết.
 - mang tính chất nhiệt đới.
 - mang đặc tính khí hậu hải dương.
- Câu 16: Loại khoáng sản nào có trữ lượng lớn và giá trị nhất ở vùng thềm lục địa nước ta?**
- Kim loại màu.
 - Kim loại đen.
 - Than bùn.
 - Dầu khí
- Câu 17: Phát biểu nào sau đây không đúng về biển Đông?**
- tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa được thể hiện qua các yếu tố hải văn.
 - biển Đông nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
 - phía bắc và phía tây là lục địa, phía đông và đông nam là các vòng cung đảo.
 - phía bắc và phía đông là lục địa, phía tây và tây nam là các vòng cung đảo.

BÀI 9

THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

- Câu 1: Đặc điểm nào sau đây không phải của tính chất nhiệt đới ẩm khí hậu nước ta?**
- Nhiệt độ trung bình năm dưới 20⁰C.
 - Độ ẩm không khí trên 80%.
 - Tổng số giờ nắng từ 1400- 3000h/năm.
 - Cán cân bức xạ dương quanh năm.
- Câu 2: Hướng chính của gió mùa mùa đông khi thổi vào nước ta là**
- Tây Nam.
 - Đông Bắc.
 - Đông Nam.
 - Tây Bắc
- Câu 3: Từ vĩ tuyến 16°B trở vào, về mùa đông, gió thịnh hành là**
- gió mùa Đông Bắc thổi từ cao áp cận cực.
 - gió TN thổi từ cao áp cận chí tuyến nửa cầu Nam.
 - gió TN thổi từ cao áp bắc Ấn Độ Dương.
 - gió ĐB thổi từ cao áp cận chí tuyến nửa cầu Bắc.
- Câu 4: Thời tiết rất nóng và khô ở ven biển Trung Bộ và phần nam khu vực Tây Bắc nước ta do loại gió nào sau đây gây ra?**
- Gió Mậu dịch Nam bán cầu.
 - Gió phơn Tây Nam.
 - Gió Mậu dịch Bắc bán cầu.
 - Gió mùa Đông Bắc.
- Câu 5: Gió mùa mùa đông ở miền Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?**

- A. Xuất hiện thành từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô và lạnh ẩm.
- B. Kéo dài liên tục suốt 4 tháng với nhiệt độ trung bình dưới 20°C.
- C. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô và lạnh ẩm.
- D. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô.

Câu 6: Vào đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam gây mưa lớn ở vùng

- A. Phía Bắc đèo Hải Vân.
- B. Tây nguyên và Nam Bộ.
- C. Phía Nam đèo Hải Vân.
- D. Nam Bộ và Trung bộ.

Câu 7: Phạm vi ảnh hưởng chủ yếu của gió mùa đông là

- A. từ dãy Bạch Mã trở ra Bắc.
- B. Nam Bộ và Tây Nguyên.
- C. ven biển miền Trung.
- D. từ dãy Bạch Mã trở vào Nam.

Câu 8: Nguyên nhân nào sau đây làm cho tháng mưa lớn nhất ở Nam Bộ nước ta đến muộn hơn Bắc Bộ?

- A. gió Tây Nam kết thúc hoạt động ở Nam Bộ muộn hơn.
- B. dải hội tụ nhiệt đới hoạt động ở Nam Bộ muộn hơn.
- C. gió Tây Nam từ Bắc ÁĐĐ đến Nam Bộ sớm hơn.
- D. Nam Bộ xa chí tuyến, gần xích đạo.

Câu 9: Khí hậu được phân chia thành hai mùa mưa và khô thể hiện rõ là ở

- A. dãy Bạch Mã trở vào nam.
- B. trên phạm vi cả nước.
- C. vùng duyên hải miền trung.
- D. dãy bạch Mã trở ra bắc.

Câu 10: Nguyên nhân gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kì đầu mùa hạ là do ảnh hưởng của khối khí

- A. lạnh phương Bắc.
- B. cận chí tuyến bán cầu Bắc.
- C. Bắc Ấn Độ Dương.
- D. cận chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 11: Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới nửa cầu Bắc, nên

- A. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.
- B. có nền nhiệt độ cao.
- C. khí hậu có bốn mùa rõ rệt.
- D. chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

Câu 12: Mưa vào mùa hạ cho cả hai miền Nam, Bắc nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động của

- A. gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc.
- B. gió mùa Tây Nam và Tín Phong.
- C. gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới.
- D. gió Tín Phong và dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 13: Các khối khí di chuyển qua biển (trong đó có biển Đông) mang lại cho khí hậu nước ta đặc điểm là

- A. nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc trên 20°C.
- B. độ ẩm không khí cao, trên 80%, cân bằng ẩm luôn dương.
- C. lượng mưa lớn, cân bằng ẩm luôn âm.
- D. tổng lượng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.

Câu 14: Mưa phùn là loại mưa diễn ra

- A. vào nửa sau mùa đông ở Nam trung Bộ và Nam Bộ.
- B. vào nửa đầu mùa đông ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ
- C. vào nửa sau mùa đông ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.
- D. vào nửa đầu mùa đông ở Nam trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 15: Gió thổi vào nước ta mang thời tiết lạnh, khô vào đầu mùa và lạnh ẩm vào cuối mùa cho miền Bắc là

- A. gió mùa Đông Bắc.
- B. gió mậu dịch nửa cầu Bắc.
- C. gió Tây Nam từ vịnh Tây Bengan.
- D. gió Tây Nam.

Câu 16: Gió mùa Đông Bắc khi đến vùng Bắc Trung Bộ

- A. đã bị suy yếu, không còn ảnh hưởng tới vùng.
- B. vẫn còn ảnh hưởng mạnh.

C. chỉ làm ảnh hưởng tới khu vực núi cao.

D. chỉ làm ảnh hưởng tới khu vực ven biển.

Câu 17: Về mùa đông, từ Đà Nẵng trở vào Nam loại gió nào sau đây chiếm ưu thế?

A. Tín phong bán cầu Bắc. B. Gió phơn Tây Nam. C. Tín phong bán cầu Nam. D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 18: Nước ta độ ẩm trong không khí luôn vượt quá

A. 60%.

B. 80%.

C. 90%.

D. 70%.

Câu 19: Hướng gió chính gây mưa cho đồng bằng Bắc Bộ vào mùa hè là

A. Đông Nam.

B. Tây Nam.

C. Tây Bắc.

D. Đông Bắc.

Câu 20: Đặc điểm nào sau đây không đúng với gió mùa Đông Bắc ở nước ta?

A. Chỉ hoạt động chủ yếu ở miền Bắc.

C. Tạo nên mùa đông có 2 – 3 tháng lạnh ở miền Bắc.

B. Thổi liên tục suốt mùa đông.

D. Hầu như bị chặn lại bởi bức chắn dãy Bạch Mã.

Câu 21: Thời gian hoạt động của gió mùa mùa hạ thổi vào nước ta là

A. từ tháng 5 đến tháng 10.

B. từ tháng 6 đến tháng 12.

C. từ tháng 7 đến tháng 9.

D. từ tháng 10 đến tháng 12.

Câu 22: Ở nước ta, gió Tín Phong hoạt động mạnh nhất vào thời gian nào?

A. Giữa mùa gió Đông Bắc.

B. Chuyển tiếp giữa hai mùa gió.

C. Giữa mùa gió Đông Bắc và giữa mùa gió Tây Nam.

D. Giữa mùa gió Tây Nam.

Câu 23: Khí hậu Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa với mấy mùa gió chính?

A. Hai mùa gió chính.

B. Một mùa gió chính.

C. Bốn mùa gió chính.

D. Ba mùa gió chính.

Câu 24: Ranh giới phân chia khí hậu giữa miền Bắc và miền Nam là

A. Dãy Trường Sơn Nam.

B. Dãy Hoàng Liên Sơn.

C. Dãy Bạch Mã.

D. Dãy Hoành Sơn.

Câu 25: Ở nước ta, nơi có chế độ khí hậu với mùa hạ nóng ẩm, mùa đông lạnh khô, hai mùa chuyển tiếp xuân thu là

A. khu vực Tây nguyên và Nam Bộ.

B. khu vực phía bắc vĩ tuyến 16°B.

C. khu vực phía đông dãy Trường Sơn.

D. khu vực phía nam vĩ tuyến 16°B.

Câu 26: Kiểu thời tiết lạnh ẩm diễn ra ở miền Bắc nước ta vào khoảng thời gian nào?

A. Tháng cuối mùa đông.

B. Tháng đầu mùa đông.

C. Nửa sau mùa đông.

D. Nửa đầu mùa đông.

Câu 27: Đặc trưng nổi bật của thời tiết miền Bắc nước ta vào nửa đầu mùa đông là

A. lạnh và có mưa phùn.

B. lạnh và ẩm.

C. ẩm và có mưa phùn.

D. lạnh và khô.

Câu 28: Đặc điểm nào sau đây đúng với chế độ mưa của vùng ven biển Trung bộ ?

A. Mưa dài nhất trong cả nước.

B. Mưa đều giữa các tháng trong năm.

C. Mưa nhiều vào thời kì thu đông.

D. Mưa tập trung nhất vào mùa hạ.

Câu 29: Ở nước ta, những nơi có mùa mưa và mùa khô rõ rệt là

A. Vùng núi Tây Bắc và Tây Nguyên.

B. Nam Bộ và Tây Nguyên.

C. Nam Bộ và ven biển Trung Bộ.

D. Vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Bắc.

Câu 30: Hướng chính của gió mùa mùa hạ khi thổi vào nước ta là

A. Tây Nam.

B. Đông Nam.

C. Tây Bắc.

D. Đông Bắc

Câu 31: Khu vực có mưa lớn tập trung vào thu- đông ở nước ta là

A. ven biển Trung Bộ. B. đồng bằng Nam Bộ.

C. đồng bằng Bắc Bộ. D. khu vực Tây Nguyên.

Câu 32: Nguyên nhân gây mưa lớn và kéo dài cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kỳ giữa và cuối mùa hạ là do ảnh hưởng của khối khí

A. cận chí tuyến bán cầu Nam.

B. cận chí tuyến bán cầu Bắc.

C. Bắc Ấn Độ Dương.

D. lạnh phương Bắc.

Câu 33: Biểu hiện nào sau đây không phải của tính chất nhiệt đới ở nước ta?

- A. Khí hậu phân chia thành bốn mùa rõ rệt. B. Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.
C. Nhiệt độ trung bình năm toàn quốc trên 20°C (trừ vùng núi cao).
D. Nhiều nắng, tổng số giờ nắng đạt tới 1400 đến 3000h/năm.

Câu 34: Ở Việt Nam, những vùng có lượng mưa cao nhất thường phân bố ở

- A. vùng đồng bằng. B. vùng khuất gió.
C. các đỉnh núi cao trên 2000m. D. sườn núi cao và đón gió biển.

Câu 35: Biểu hiện tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta là

- A. trong năm, Mặt Trời luôn đứng cao trên đường chân trời.
B. hằng năm nước ta nhận lượng nhiệt Mặt Trời lớn. C. trong năm, Mặt Trời qua thiên đỉnh hai lần.
D. tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.

Câu 36: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta quy định bởi

- A. vai trò của biển Đông. B. sự hiện diện của khối khí tín phong.
C. Ảnh hưởng gió mùa Tây Nam. D. nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến.

Câu 37: Hệ quả hoạt động của gió mùa đông đối với nước ta là

- A. gây mưa cho cả nước. B. gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên.
C. gây mưa phùn cho Nam Trung Bộ. D. tạo mùa đông lạnh ở miền Bắc.

Câu 38: Điểm nào sau đây không đúng với gió mùa Đông Bắc ở nước ta?

- A. Chỉ hoạt động mạnh ở miền Bắc. B. Thổi từng đợt, không kéo dài liên tục.
C. Bị biến tính và suy yếu dần khi di chuyển về phía Nam.
D. Gây ra hiện tượng phơn khi vượt qua dãy Trường Sơn.

Câu 39: Loại gió có cơ chế hoạt động quanh năm ở nước ta là

- A. gió mùa Tây Nam. B. gió mùa Đông Bắc. C. gió mùa Đông Nam. D. tín phong.

Câu 40: Từ Đà Nẵng trở vào, hướng thổi chiếm ưu thế của gió Tín phong bán cầu Bắc từ tháng 11-4 năm sau là hướng

- A. Tây Nam. B. Tây Bắc. C. Đông Bắc. D. Đông Nam.

Câu 41: Nguyên nhân hình thành gió phơn ở Bắc Trung Bộ là do

- A. gió mùa Tây Nam vượt qua dãy Bạch Mã. B. gió mùa Đông Bắc vượt qua Hoàng Liên Sơn.
C. gió mùa Đông Bắc vượt qua dãy Hoàng Sơn. D. gió mùa Tây Nam vượt qua Trường sơn Bắc

Câu 42: Càng về phía nam nước ta thì

- A. nhiệt độ trung bình tháng lạnh càng giảm. B. biên độ nhiệt càng tăng.
C. nhiệt độ trung bình càng tăng. D. nhiệt độ trung bình tháng nóng càng giảm.

Câu 43: Thời gian hoạt động của gió mùa mùa đông là

- A. từ tháng 6 đến tháng 12. B. từ tháng 5 đến tháng 10
C. từ tháng 5 đến tháng 11. D. từ tháng 11 đến tháng 4

Câu 44: Nguyên nhân tạo nên sự phân hóa khí hậu theo hướng Bắc - Nam là do

- A. số lần mặt trời đi qua thiên đỉnh ở phía Bắc nhiều hơn phía Nam.
B. gió mùa Tây Nam gây mưa không đều ở miền Bắc và miền Nam nước ta.
C. tăng lượng bức xạ Mặt Trời và giảm sút ảnh hưởng của khối khí lạnh về phía Nam.
D. sự phân hóa khí hậu theo độ cao và gió đông bắc hoạt động không đều.

Câu 45: Nhiệt độ trung bình năm ở nước ta cao, vượt tiêu chuẩn khí hậu nhiệt đới với biểu hiện là

- A. trên 20°C (trừ vùng núi Đông Bắc). B. trên 20°C (trừ vùng núi thấp).
C. trên 20°C (trừ vùng núi Tây Bắc). D. trên 20°C (trừ vùng núi cao).

Câu 46: Đặc điểm nào sau đây không phải đặc điểm của gió mùa mùa hạ?

- A. Gây nóng khô cho ven biển Trung Bộ vào đầu mùa.
B. Đầu mùa gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên. C. Tạo không khí lạnh khô và lạnh ẩm.

D. Giữa và cuối mùa gây mưa cho cả miền Bắc và miền Nam.

Câu 47: Đặc điểm nào sau đây không phải đặc điểm của gió mùa mùa đông?

A. Nửa sau mùa đông: lạnh ẩm.

B. Nửa đầu mùa đông: lạnh khô.

C. Phạm vi ảnh hưởng chủ yếu là miền Bắc.

D. Phạm vi ảnh hưởng cả nước.

Câu 48: Lượng mưa trung bình năm trên lãnh thổ nước ta dao động trong khoảng

A. 2500 – 3000 mm.

B. 500 – 1000 mm.

C. 1500 – 2000 mm.

D. 3000 – 4000 mm.

Câu 49: Nhiệt độ trung bình năm ở nước ta là

A. cao nhất ở miền Bắc.

B. tăng dần từ Nam ra Bắc.

C. giảm dần từ Nam ra Bắc.

D. không khác nhau mấy giữa các vùng.

BÀI 10

THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

Câu 1: Nhịp điệu dòng chảy trong năm của sông ngòi nước ta chủ yếu phụ thuộc vào

A. chế độ mưa mùa.

B. diện tích lưu vực sông.

C. độ dốc của lòng sông.

D. độ dài của sông.

Câu 2: Đặc điểm nào sau đây của địa hình chứng tỏ mang đặc tính vùng nhiệt đới ẩm gió mùa?

A. Có nhiều khối núi cao đồ sộ.

B. Xâm thực mạnh ở miền đồi núi.

C. Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ.

D. Có nhiều đồi núi, độ dốc cao.

Câu 3: Hoạt động ngoại lực đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành và biến đổi địa hình Việt Nam hiện tại là

A. xâm thực - bồi tụ.

B. xói mòn – rửa trôi.

C. mài mòn – bồi tụ.

D. xâm thực – mài mòn.

Câu 4: Ở nước ta, các đồng bằng hạ lưu sông được bồi tụ, mở mang nhanh chóng là hệ quả của

A. sông ngòi nhiều nước.

B. quá trình xâm thực mạnh mẽ ở vùng núi.

C. chế độ nước sông theo mùa.

D. mạng lưới sông ngòi dày đặc.

Câu 5: Đất feralit có màu đỏ vàng do

A. nhận được nhiều ánh sáng Mặt Trời.

B. lượng phù sa trong đất lớn.

C. hình thành trên đá mẹ có nhiều chất badan.

D. tích tụ nhiều ôxit sắt và ôxit nhôm.

Câu 6: Dọc bờ biển nước ta trung bình cứ bao nhiêu km lại gặp 1 cửa sông?

A. 30km.

B. 20km.

C. 40km.

D. 10km.

Câu 7: Vì sao sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa?

A. Do lượng mưa nhiều.

B. Do sông ngắn, dốc.

C. Do chế độ mưa thất thường.

D. Do chế độ khí hậu mưa mùa.

Câu 8: Sông ngòi ở khu vực nào sau đây thường có mùa lũ vào thời kì thu đông?

A. Đồng bằng Bắc Bộ.

B. Đông Trường Sơn.

C. Đồng bằng Nam Bộ.

D. Đông Bắc.

Câu 9: ĐB châu thổ sông Hồng và ĐBSCL hàng năm lấn ra biển từ vài chục đến vài trăm m là do

A. nước sông chảy chậm, phù sa lắng đọng nhanh.

B. sông có lượng nước chảy hằng năm lớn.

C. nước sông chảy nhanh.

D. xâm thực mạnh ở miền đồi núi.

Câu 10: Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì

A. có sự tích tụ nhiều Al_2O_3 .

B. mưa nhiều rửa trôi các chất badan.

C. quá trình phong hóa diễn ra với cường độ mạnh.

D. có sự tích tụ nhiều Fe_2O_3 .

Câu 11: Đặc điểm nào sau đây không phải biểu hiện của quá trình xâm thực vùng đồi núi?

A. Hiện tượng đất trượt, đá lở xảy ra khi mưa lớn.

B. Các vùng thềm phù sa cổ bị bào mòn.

C. Bề mặt địa hình bị cắt xẻ, đất xói mòn.

D. Mở mang nhanh chóng đồng bằng hạ lưu.

Câu 12: Đất feralit ở nước ta có đặc điểm nổi bật là

- A. có màu đỏ vàng, lớp đất mỏng. B. có màu đỏ vàng, đất chua.
C. có màu nâu đỏ, giàu mùn. D. có màu đen, xốp, dễ thoát nước.
- Câu 13: Đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa là**
A. phần lớn sông chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam.
B. phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt. C. lượng mưa phân bố không đều giữa các hệ sông.
D. sông có lưu lượng nước lớn, hàm lượng phù sa cao.
- Câu 14: Quá trình feralit diễn ra mạnh ở vùng**
A. đồng bằng. B. ven biển. C. núi cao. D. đồi núi thấp.
- Câu 15: Quá trình xâm thực xảy ra mạnh mẽ ở những nơi có**
A. địa hình cao, lượng mưa nhỏ. B. địa hình thấp, lượng mưa nhỏ.
C. địa hình thấp, lượng mưa lớn. D. địa hình cao, sườn dốc, lượng mưa lớn.
- Câu 16: Trong giới sinh vật ở nước ta, thành phần loài nào chiếm ưu thế?**
A. Nhiệt đới. B. Ôn đới. C. Cận cực. D. Cận nhiệt.
- Câu 17: Quá trình hình thành đất chủ yếu ở Việt Nam là**
A. quá trình tích tụ các chất bادر dễ tan. B. quá trình hình thành đá ong.
C. quá trình feralit mạnh ở đồi núi thấp. D. quá trình tích tụ mùn trên núi.
- Câu 18: Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm sông ngòi nước ta?**
A. Sông ngòi dày đặc, chủ yếu là sông lớn. B. Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa.
C. Chế độ nước sông theo mùa. D. Chế độ dòng chảy sông ngòi thất thường.
- Câu 19: Hàm lượng phù sa sông ngòi nước ta lớn do**
A. mạng lưới sông ngòi dày đặc. B. tổng lượng nước sông lớn.
C. xâm thực, bào mòn mạnh mẽ ở vùng đồi núi. D. chế độ nước sông thay đổi theo mùa.
- Câu 20: Loại đất chính ở vùng đồi núi nước ta là**
A. đất feralit. B. đất xám bạc màu. C. đất mùn thô. D. đất phù sa mới.
- Câu 21: Chế độ dòng chảy sông ngòi nước ta thất thường do**
A. độ dốc lòng sông lớn, nhiều thác ghềnh. B. sông có đoạn chảy ở mnúi, có đoạn chảy ở đồng bằng.
C. chế độ mưa trong năm thất thường. D. lòng sông nhiều nơi bị phù sa lấp.
- Câu 22: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa làm cho địa hình nước ta**
A. bị xâm thực mạnh ở vùng đồi núi. B. nhiễm mặn ở đồng bằng hạ lưu sông.
C. bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô. D. chia cắt ở các đồng bằng ven biển.
- Câu 23: Đặc điểm nào sau đây không đúng về đặc điểm của sông ngòi Việt Nam?**
A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. B. Sông ngòi nhiều nước và giàu phù sa.
C. Cự trung bình 20m gặp 1 cửa sông. D. Chế độ nước theo mùa.
- Câu 24: Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm sông ngòi nước ta?**
A. Sông ngòi dày nước quanh năm. B. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
C. Sông ngòi giàu phù sa. D. Phần lớn là sông nhỏ.
- Câu 25: Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa nước ta là hệ sinh thái rừng**
A. rậm thường xanh quanh năm. B. ngập mặn cho năng suất sinh học cao.
C. nhiệt đới ẩm gió mùa. D. nhiệt đới khô lá rộng và xavan.

BÀI TẬP SỬ DỤNG ATLAT
TRANG 4,5: HÀNH CHÍNH

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết trong số 7 tỉnh biên giới trên đất liền giáp với Trung Quốc, không có tỉnh nào sau đây?

A. Tuyên Quang B. Cao Bằng C. Lạng Sơn. D. Hà Giang.

Câu 2: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4 – 5, hãy cho biết thành phố trực thuộc Trung ương nào sau đây không giáp biển Đông?

A. TP. Hồ Chí Minh. B. Cần Thơ. C. Đà Nẵng. D. Hải Phòng.

Câu 3: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4 – 5, hãy cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh, thành phố nào?

A. Thành phố Đà Nẵng B. TP. Nha Trang. C. Tỉnh Khánh Hòa. D. TP. Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 4: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4 – 5, hãy cho biết quần đảo Côn Sơn (Côn Đảo) thuộc tỉnh nào?

A. Bạc Liêu. B. Bà Rịa – Vũng Tàu. C. Sóc Trăng. D. Cà Mau.

Câu 5: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4-5, hãy cho biết nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố có đường biên giới chung với Lào?

A. 10. B. 12. C. 11. D. 13.

Câu 6: Căn cứ vào *Atlas Địa lí VN* trang 4 – 5, hãy cho biết đảo nào sau đây thuộc tỉnh Kiên Giang?

A. Lý Sơn. B. Phú Quốc. C. Phú Quý. D. Côn Cỏ.

Câu 7: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4 – 5, hãy cho biết cảng nước sâu Dung Quất thuộc tỉnh, thành phố nào?

A. Quảng Ngãi. B. Quảng Trị. C. Quảng Nam. D. Quảng Bình.

Câu 8: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh nào có chung biên giới với Trung Quốc và Lào?

A. Sơn La. B. Điện Biên. C. Lai Châu. D. Lào Cai.

Câu 9: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4 – 5, hãy cho biết đường biên giới nước ta với nước nào dài nhất?

A. Lào. B. Campuchia. C. Trung Quốc. D. Thái Lan.

Câu 10: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực nam của nước ta nằm ở

A. mũi Đại Lãnh. B. mũi Cà Mau. C. mũi Ngọc. D. mũi Kê Gà.

Câu 11: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4-5, hãy cho biết vùng biển nước nào sau đây không giáp vùng biển Việt Nam

A. Mianma B. Bru này. C. Singapo. D. Trung Quốc

Câu 12: Căn cứ vào *Atlas Địa lí VN* trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Tây nước ta thuộc tỉnh nào?

A. Lai Châu B. Điện Biên. C. Lào Cai D. Sơn La.

Câu 13: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào sau đây không có đường biên giới chung với Lào?

A. Kon Tum. B. Điện Biên. C. Sơn La D. Gia Lai.

Câu 14: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4 – 5, hãy cho biết nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào trên đất liền?

A. Trung Quốc, Campuchia, Mianma. B. Lào, Campuchia, Thái Lan.
C. Trung Quốc, Lào. D. Trung Quốc, Lào, Campuchia.

Câu 15: Căn cứ vào *Atlas Địa lí VN* tr 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Bắc của nước ta thuộc tỉnh nào?

A. Cao Bằng. B. Lào Cai C. Điện Biên. D. Hà Giang.

Câu 16: Căn cứ vào *Atlas địa lí Việt Nam* trang 4-5, hãy cho biết trong số các tỉnh sau tỉnh nào không tiếp giáp với Campuchia?

A. Bình Phước B. Kiên Giang C. Gia Lai D. Quảng Nam

Câu 17: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4-5, các tỉnh nào ở ĐBSCL không giáp biển là

A. Sóc Trăng – Bạc Liêu B. Cà Mau – Kiên Giang
C. Bến Tre – Trà Vinh D. Hậu Giang – Vĩnh Long

Câu 18: Căn cứ vào *Atlas Địa lí VN* trang 4 – 5, hãy cho biết quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh nào?

A. Bình Thuận. B. Bà Rịa – Vũng Tàu. C. Ninh Thuận. D. Khánh Hòa.

Câu 19: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4-5, hãy cho biết số tỉnh, thành phố có chung đường biên giới với Campuchia là

A. 12. B. 13. C. 11. D. 10.

Câu 20: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4-5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào của nước ta là “Ngã ba Đông Dương”?

A. Kon Tum. B. Gia Lai. C. Đắk Lắk. D. Đà Nẵng.

Câu 21: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh thành nào có diện tích nhỏ nhất nước ta?

A. Thái Bình. B. Hà Nam. C. Bắc Ninh. D. Ninh Bình.

Câu 22: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4 – 5, hãy cho biết theo thứ tự các tỉnh ven biển từ Bắc vào Nam là

- A. Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Hà Tĩnh
- B. Quảng Nam Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa
- C. Quảng Trị, Thừa thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi
- D. Quảng Trị, Thừa thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Nam

Câu 23: Căn cứ vào *Atlas Địa lí VN* tr4–5, hãy cho biết biển Đông tiếp giáp với bao nhiêu quốc gia?

☐ A. Bảy. B. Chín. C. Tám. D. Sáu.

Câu 24: Căn cứ vào *Atlas địa lí Việt Nam* trang 4-5, hãy cho biết trong số các tỉnh sau tỉnh nào không tiếp giáp với Lào?

A. Điện Biên B. Quảng Bình C. Hòa Bình D. Sơn La

Câu 25: Căn cứ vào *Atlas địa lí Việt Nam* trang 4-5, hãy cho biết trong số các tỉnh sau tỉnh nào không tiếp giáp với Trung Quốc?

A. Lạng Sơn B. Tuyên Quang C. Lào Cai D. Cao Bằng

BÀI TẬP SỬ DỤNG ATLAT TRANG 9: KHÍ HẬU

Câu 1: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây không đúng về sự phân hóa chế độ nhiệt ở nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian và theo thời gian.
- B. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo thời gian.
- C. Nhiệt độ trung bình năm không có sự phân hóa theo thời gian.
- D. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian từ Bắc vào Nam.

Câu 2: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào dưới đây nằm trong miền khí hậu phía Bắc?

- A. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ. B. Vùng khí hậu Nam Bộ.
- C. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ. D. Vùng khí hậu Tây Nguyên.

Câu 3: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, thời kì tần suất các cơn bão di chuyển từ Biển Đông vào nước ta nhiều nhất là

A. tháng VIII. B. tháng XI. C. tháng IX. D. tháng X.

Câu 4: Căn cứ vào bản đồ Nhiệt độ ở *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, nền nhiệt độ trung bình tháng 1 ở phía Bắc phổ biến là

A. dưới 18⁰c B. từ 18⁰c- 24⁰c C. trên 24⁰c D. dưới 14⁰c

Câu 5: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào dưới đây không có gió Tây khô nóng?

A. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ. B. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.

C. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.

D. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, thời kì có bão đổ bộ trực tiếp từ biển Đông vào vùng khí hậu Bắc Trung Bộ là

A. tháng VIII.

B. tháng IX.

C. tháng X.

D. tháng XI.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas địa lí VN trang 9, hãy cho biết phạm vi ảnh hưởng của Gió mùa mùa hạ?

A. Khu vực Trường Sơn Nam

B. Khu vực Trường Sơn Bắc

C. Cả nước

D. Khu vực Tây Bắc

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết tổng lượng mưa của nước ta thấp nhất vào thời gian nào sau đây?

A. Từ tháng V-> X.

B. Từ tháng XI ->IV.

C. Từ tháng IX ->XII.

D. Từ tháng I ->IV.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn dưới 20°C?

A. Biểu đồ khí hậu Hà Nội.

B. Biểu đồ khí hậu Lạng Sơn.

C. Biểu đồ khí hậu Sa Pa.

D. Biểu đồ khí hậu Điện Biên Phủ.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí VN trang 9, hãy cho biết GMMH thổi vào nước ta theo hướng nào?

A. Đông Bắc.

B. Tây Nam.

C. Tây Bắc.

D. Đông Nam.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm của TP. Hồ Chí Minh ở mức là bao nhiêu?

A. Từ 20°C đến 24°C.

B. Trên 24°C.

C. Trên 20°C.

D. Dưới 18°C.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí VN trang 9, hãy cho biết GMMĐ thổi vào nước ta theo hướng nào?

A. Đông Nam.

B. Đông Bắc.

C. Tây Bắc.

D. Tây Nam.

Câu 13: Căn cứ vào bản đồ Khí hậu chung, ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 9 khu vực ở nước ta chịu tác động của gió Đông Nam thịnh hành vào mùa hạ là

A. Nam Bộ

B. Đông Bắc Bộ

C. Bắc Trung Bộ

D. Tây Nguyên

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn trên 25°C?

A. Biểu đồ khí hậu TP. Hồ Chí Minh.

B. Biểu đồ khí hậu Đà Nẵng.

C. Biểu đồ khí hậu Sa Pa.

D. Biểu đồ khí hậu Hà Nội.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, thời kì tần suất các cơn bão di chuyển từ Biển Đông vào miền khí hậu phía Bắc ít nhất là

A. tháng VIII và tháng IX.

B. tháng XI và tháng XII.

C. tháng VI và tháng VII.

D. tháng IX và tháng X.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có lượng mưa lớn tập trung từ tháng IX đến tháng XII?

A. Biểu đồ khí hậu Nha Trang.

B. Biểu đồ khí hậu Cà Mau.

C. Biểu đồ khí hậu Đà Lạt.

D. Biểu đồ khí hậu Lạng Sơn.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây không đúng về chế độ nhiệt ở nước ta?

A. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.

B. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ các vùng núi).

C. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian.

D. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào sau đây chịu ảnh hưởng tần suất bão cao nhất nước ta?

A. Bắc Trung Bộ.

B. Nam Trung Bộ.

C. Nam Bộ.

D. Đông Bắc Bộ.

Câu 19: Căn cứ vào bản đồ Khí hậu ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, các trạm khí hậu có chế độ mưa vào mùa thu-đông tiêu biểu ở nước ta là

- A. SaPa, Lạng Sơn, Hà Nội
C. Đà Lạt, Cần Thơ, Cà Mau

- B. Hà Nội, Điện Biên, Lạng Sơn
D. Đồng Hới, Đà Nẵng, Nha Trang

Câu 20: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào chịu ảnh hưởng nhiều nhất của gió Tây khô nóng?

- A. Nam Trung Bộ. B. Nam Bộ. C. Tây Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 21: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, nhận xét nào dưới đây không đúng về sự ảnh hưởng của bão đến nước ta?

- A. Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam.
B. Tần suất ảnh hưởng của bão chủ yếu từ tháng VIII đến tháng X.
C. Đầu mùa bão chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp vào miền khí hậu phía Bắc.
D. Bão ảnh hưởng chủ yếu ở khu vực Bắc Trung Bộ.

Câu 22: Căn cứ vào *Atlas Địa lí VN* trang 9, hãy cho biết Sa Pa thuộc vùng khí hậu nào dưới đây?

- A. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ. B. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.
C. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ. D. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.

Câu 23: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có biên độ nhiệt trong năm cao nhất?

- A. Biểu đồ khí hậu Nha Trang. B. Biểu đồ khí hậu Cà Mau.
C. Biểu đồ khí hậu TP. Hồ Chí Minh. D. Biểu đồ khí hậu Hà Nội.

BÀI TẬP SỬ DỤNG ATLAT TRANG 10: CÁC HỆ THỐNG SÔNG

Câu 1: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 10, hãy cho biết lưu lượng nước trung bình của sông Hồng (trạm Hà Nội) lớn nhất vào tháng nào trong năm?

- A. Tháng VI B. Tháng IX. C. Tháng VII. D. Tháng VIII.

Câu 2: Căn cứ vào *Atlas Địa lí VN* trang 10, hãy cho biết sông Đà thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Thái Bình. B. Lưu vực sông Hồng.
C. Lưu vực sông Mã. D. Lưu vực sông Kỳ Cùng – Bằng Giang.

Câu 3: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 10, hãy cho biết lưu vực sông nào sau đây hầu hết không chảy trực tiếp ra biển?

- A. Lưu vực sông Đồng Nai. B. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).
C. Lưu vực sông Mê Công (phần trên lãnh thổ Đồng bằng sông Cửu Long).
D. Sông Mê Công (phần trên lãnh thổ Tây Nguyên).

Câu 4: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 10, hãy cho biết sông Vàm Cỏ Đông thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Đồng Nai. B. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).
C. Lưu vực sông Mê Công. D. Lưu vực sông Thu Bồn.

Câu 5: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 10, hãy cho biết sông Krông Pô thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng). B. Lưu vực sông Mê Công.
C. Lưu vực sông Thu Bồn. D. Lưu vực sông Đồng Nai.

Câu 6: Căn cứ vào *Atlas Địa lí VN* trang 10, hãy cho biết sông Tiền thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Mê Công. B. Lưu vực sông Cả.
C. Lưu vực sông Mã. D. Lưu vực sông Đồng Nai.

Câu 7: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 10, hệ thống sông lớn duy nhất nước ta có dòng chảy đổ nước sang Trung Quốc là

- A. sông Mê Công
C. sông Thái Bình
- B. sông Kỳ Cùng- Sông Bằng Giang
D. sông Hồng
- Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hai hồ nước lớn ở lưu vực sông Đồng Nai**
A. hồ Dầu Tiếng, hồ Trị An
B. hồ Dầu Tiếng, hồ Kẻ Gỗ
C. hồ Trị An, hồ Thác Bà
D. hồ Dầu Tiếng, hồ Lắk
- Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Sài Gòn thuộc lưu vực sông nào sau đây?**
A. Lưu vực sông Mê Công.
B. Lưu vực sông Đồng Nai.
C. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).
D. Lưu vực sông Thu Bồn.
- Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí VN trang 10, hãy cho biết sông Bé thuộc lưu vực sông nào sau đây?**
A. Lưu vực sông (Đà Rằng).
B. Lưu vực sông Mê Công.
C. Lưu vực sông Đồng Nai.
D. Lưu vực sông Thu Bồn.
- Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí VN tr10, hãy cho biết sông La Ngà thuộc lưu vực sông nào sau đây?**
A. Lưu vực sông Mê Công.
B. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).
C. Lưu vực sông Đồng Nai.
D. Lưu vực sông Thu Bồn.
- Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí VN trang 10, hãy cho biết sông nào sau đây có lưu lượng nước lớn nhất (theo số liệu đo ở các trạm Mỹ Thuận, trạm Cần Thơ, trạm Hà Nội và trạm Củng Sơn)?**
A. Sông Đà Rằng B. Sông Hồng.
C. Sông Mã. D. Sông Mê Công (Cửu Long)..
- Câu 13: Căn cứ vào biểu đồ đường ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, tháng đỉnh lũ của các sông Mê Công, sông Hồng và sông Đà Rằng lần lượt là**
A. tháng 11, tháng 8, tháng 10
B. tháng 9, tháng 8, tháng 11
C. tháng 10, tháng 8, tháng 10
D. tháng 10, tháng 8, tháng 11
- Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu lượng nước thấp nhất của sông Mê Công (Cửu Long) vào thời gian nào sau đây (theo số liệu đo được ở trạm Mỹ Thuận và trạm Cần Thơ)?**
A. Tháng III đến tháng IV.
B. Tháng X đến tháng XII.
C. Tháng V đến tháng X.
D. Tháng I đến tháng III.

BÀI TẬP SỬ DỤNG ATLAT

TRANG 11: CÁC LOẠI ĐẤT CHÍNH –TRANG 12: THỰC VẬT –ĐỘNG VẬT

- Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, vùng tập trung diện tích đất feralit trên đá bazan có quy mô lớn nhất nước ta là**
A. Đông Nam Bộ B. Tây Nguyên C. Bắc Trung Bộ D. Đông Bắc
- Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, khu vực phân bố chủ yếu của loài bò tót thuộc phân khu Địa lí động vật là**
A. khu Nam Trung Bộ B. khu Trung Trung Bộ
C. khu Bắc Trung Bộ D. khu Đông Bắc
- Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, thảm thực vật chủ yếu ở ĐBSCL là**
A. thảm thực vật nông nghiệp B. rừng trên núi đá vôi
C. rừng kín thường xanh D. rừng tre nứa
- Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, các địa danh nào dưới đây không phải là khu dự trữ sinh quyển thế giới?**
A. Cát Tiên B. Cù Lao Chàm C. Tam Đảo D. Cát Bà
- Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, vườn quốc gia nào dưới đây không thuộc ĐBSH?**
A. Xuân Thủy B. Ba Bể C. Cát Bà D. Ba Vì
- Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hai loại đất chiếm ưu thế diện tích lớn nhất ở vùng Đông Nam Bộ là**

A. đất phèn, đất feralit trên đá bazan

B. đất phù sa sông, đất xám trên phù sa cổ.

C. đất xám trên phù sa cổ, đất feralit trên đá vôi. D. đất feralit trên đá bazan, đất xám trên phù sa cổ.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, thảm thực vật rừng ôn đới núi cao chỉ xuất hiện ở khu vực nào của nước ta?

A. Vùng núi Phong Nha – Kẻ Bàng

B. Vùng cao nguyên Lâm Viên

C. Vùng núi Ngọc Linh- Vùng núi Hoàng Liên Sơn D. Vùng núi Hoàng Liên Sơn

ĐÁP ÁN

TRẮC NGHIỆM LÝ THUYẾT VÀ ATLAS ĐỊA LÍ 12

Câu	Bài 2	Bài 6	Bài 7	Bài 8	Bài 9	Bài 10	Alat4,5	Alat9	Alat10	Alat11,12
1	C	B	B	C	A	A	A	C	D	B
2	A	A	D	B	B	B	B	A	B	A
3	B	B	B	A	D	A	A	C	D	A
4	A	A	D	B	B	B	B	A	A	C
5	B	C	B	A	A	D	A	C	B	B
6	A	B	D	B	B	B	B	B	A	D
7	B	C	B	A	A	D	A	C	B	D
8	D	B	D	B	B	B	B	B	A	
9	B	C	A	A	A	D	A	C	B	
10	D	B	D	B	C	B	B	B	C	
11	B	C	A	C	B	D	A	B	C	
12	D	A	D	C	C	B	B	B	D	
13	B	B	A	A	B	D	D	B	D	
14	D	A	A	C	C	D	D	A	A	
15	B	B	A	D	A	D	D	C		
16	D	A	A	D	B	A	D	A		
17	C	B	A	D	A	C	D	D		
18	D	A	B		B	A	D	A		
19	A	B	B		A	C	D	D		
20	A	A	C		B	A	A	D		
21	A	C	C		A	C	C	D		
22	A	A	C		B	A	C	D		
23	D	C	C		A	C	B	D		
24	C	A	C		C	A	C			
25	C	C	A		B	C	B			
26		D			C					
27		C			D					
28		D			C					
29		D			B					
30		D			A					
31		C								
32		D								
33		D								
34		D								
35		D								